

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG
Số: 366/HĐBT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 7 tháng 11 năm 1991

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về chế độ thẩm định các dự án có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Nhằm quản lý tốt các dự án có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư vào Việt Nam;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chế độ thẩm định các dự án có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài.

Điều 2.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Mọi quy định trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư và Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Quyết định này.

Điều 3.

Các Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

QUY ĐỊNH

VỀ CHẾ ĐỘ THẨM ĐỊNH CÁC DỰ ÁN CÓ VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP CỦA NƯỚC NGOÀI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 366-HĐBT ngày 7-11-1991

của Hội đồng Bộ trưởng.)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.

Chế độ thẩm định các dự án có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài quy định việc thẩm định các dự án đầu tư cho cả 3 hình thức: hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng, xí nghiệp hoặc công ty liên doanh (gọi chung là xí nghiệp liên doanh), xí nghiệp 100 % vốn nước ngoài.

Điều 2.

Nội dung thẩm định dự án bao gồm những điểm chủ yếu sau đây:

1. Tư cách pháp nhân, năng lực tài chính của chủ đầu tư nước ngoài và Việt Nam.
2. Mức độ phù hợp của mục tiêu dự án với phương hướng phát triển kinh tế xã hội.
3. Tính hợp lý của phương án sản phẩm; sự thích hợp về kỹ thuật và công nghệ.
4. Mức độ phù hợp của thị trường tiêu thụ sản phẩm với chính sách của Nhà nước.
5. Các mức thuế và thời hạn miễn, giảm thuế. Tiền thuê mặt đất, mặt nước, mặt biển.
6. Hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; lợi ích của bên Việt nam và Nhà nước Việt nam.
7. Khả năng tận dụng các cơ sở hạ tầng sẵn có trong nước để đáp ứng yêu cầu của dự án.
8. Tính hợp lý về địa điểm, tuyến công trình, diện tích chiếm mặt đất, mặt nước, mặt biển; việc áp dụng các quy trình quy phạm xây dựng.
9. Sử dụng hợp lý và bảo vệ tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái.

Tùy theo loại hình và tính chất của từng dự án mà cụ thể hoá nội dung thẩm định cho phù hợp.

Điều 3.

Những vấn đề chủ yếu mà các Bộ, Ủy ban Nhân dân tỉnh; thành phố cần xem xét trước khi thông qua dự án để có kiến nghị cụ thể là:

1. Mức độ phù hợp của mục tiêu dự án với phương hướng phát triển của ngành và địa phương; sự cần thiết phải hợp tác đầu tư với nước ngoài.
2. Tư cách pháp nhân và năng lực tài chính, sản xuất kinh doanh của tổ chức kinh tế nước ngoài và tổ chức kinh tế Việt Nam.

3. Khả năng đáp ứng nhu cầu của dự án về lao động, nguyên liệu, điện, nước, vận tải...
4. Định giá tài sản của bên Việt Nam góp vào vốn của xí nghiệp liên doanh.
5. Sự phù hợp của địa điểm dự án đối với quy hoạch lãnh thổ của ngành và địa phương. Các kiến nghị mức tiền thuê mặt đất, mặt nước, mặt biển.

CHƯƠNG II

PHÂN CẤP XÉT DUYỆT DỰ ÁN

Điều 4.

Đối với dự án có vốn đầu tư nước ngoài, phân cấp xét duyệt như sau:

1. Dự án do Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng quyết định:

- a. Các dự án không kể mức vốn đầu tư thuộc các ngành kinh tế - kỹ thuật sau đây:

Khai thác, chế biến các loại khoáng sản quý, hiếm.

Viễn thông, truyền thanh, truyền hình, xuất bản.

Vận tải viễn dương, hàng không, đường sắt, xây dựng cảng biển, sân bay, đường sắt và đường quốc lộ.

Sản xuất, lưu thông thuốc chữa bệnh, các chất độc, hại, chất nổ.

Kinh doanh bất động sản, tài chính, ngân hàng.

Có liên quan đến quốc phòng, an ninh.

Chuyên doanh xuất nhập khẩu, du lịch quốc tế.

b) Dự án về công nghiệp nặng có mức vốn đầu tư trên 30 triệu USD.

c) Dự án về các ngành khác có mức vốn đầu tư trên 20 triệu USD.

d) Các dự án có diện tích chiếm đất lớn, có ảnh hưởng đến môi trường.

2. Việc phê duyệt các dự án do Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng quyết định được phân thành 2 loại:

a) Những dự án cần thông qua Hội đồng thẩm định Nhà nước để thẩm tra và trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng quyết định (dưới đây gọi là dự án nhóm A) gồm: